

	PHÁC ĐỒ ĐIỀU TRỊ U HỐC MẮT	Mã số : MTCL54/TM
		Hiệu lực từ ngày : 05/06/03
		Lần ban hành : 01
		Trang : 1/2
		Mã đơn vị :

I. TRIỆU CHỨNG

- ❖ **Chủ quan:** tùy loại u và mức độ phát triển
- ❖ **Khách quan:** lồi mắt thẳng trục hoặc lệch trục

II. CHẨN ĐOÁN PHÂN BIỆT: U trong chớp và u ngoài chớp

III. NGUYÊN NHÂN

U xuất phát từ di tích phôi thai hay từ mô hốc mắt tại chỗ

IV. CẬN LÂM SÀNG

- Các xét nghiệm thường quy
- X quang hốc mắt không sửa soạn
- Siêu âm
- CT hoặc MRI

V. ĐIỀU TRỊ

Chỉ định mổ thành ngoài hốc mắt lấy trọn u khi u có đặc điểm như sau

1. Vị trí
 - U trong chớp cơ .
 - U ngoài chớp nhưng phát triển sau xích đạo nhãn cầu.
2. Bản chất
 - Lành tính dạng nang , có bao .
 - Dễ tái phát nếu không lấy trọn.
3. Đặc điểm đi kèm
 - U chèn ép nhãn cầu hoặc thần kinh thị gây giảm thị lực.
 - Có tiền sử gây viêm tổ chức hốc mắt cấp.
 - Gây lồi mắt nhiều ảnh hưởng thẩm mỹ.

Các u là đối tượng cho phẫu thuật này có thể bao gồm các u sau :

- U trong chớp : u mạch hang , u sợi thần kinh , u bao Schwann
- U ngoài chớp : u hỗn hợp tuyến lệ , u nang bì .

VI. THEO DÕI

Độ lồi mắt tái phát

Chụp MRI hoặc Ctscan mỗi 6 tháng

	PHÁC ĐỒ ĐIỀU TRỊ U HỐC MẮT	Mã số : MTCL54/TM
		Hiệu lực từ ngày : 05/06/03
		Lần ban hành : 01
		Trang : 2/2
		Mã đơn vị :

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Rootman J, Stewart B, Goldberg RA. *Orbital Surgery: a Conceptual Approach*. Philadelphia: Lippincott-Raven; 1995.
2. McCord CD. Complications of orbital surgery. *Otolaryngol Clin North Am* 1988;21:183–188.
3. Kennerdell JS, Maroon JC, Malton ML. Surgical approaches to orbital tumors. *Clin Plast Surg* 1988;15:273–282.
4. Henderson JW, Farrow GM. *Orbital Tumors*. 2nd ed. New York: BC Decker; 1980:580–584.

	Người soạn thảo	Người kiểm tra	Người kiểm tra	Người phê duyệt
Chữ ký				
Họ và tên	BS. Vũ Thị Việt Thu	BS. Ng.Tr. Thúy Hằng	BS Bùi Thị Thu Hương	PGS.TSBS.. TRẦN ANH TUẤN
Chức danh	Bs. Điều trị	Bs. Phó Trưởng Khoa	Trưởng phòng KHTH	GIÁM ĐỐC